TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2019/QĐST-HNGĐ	*Trảng Bom, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

2. Anh Bùi Văn L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/02/2009 do Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T cấp thì chị Trần Thị Ngọc L và anh Bùi Văn L là vợ chồng hợp pháp, nay anh chị xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại - Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, các bên đương sự đã thỏa thuận được về ly hôn, nuôi con, chia sản và yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, với nội dung cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Trần Quỳnh N, sinh ngày 08/6/2009, Bùi Trần Như Y, sinh ngày: 09/5/2012, Bùi Hoàng P, sinh ngày:

04/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng 1.300.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung.

Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị L, anh L mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ, nhưng anh chị thỏa thuận chị L chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc L với anh Bùi Văn L.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Trần Quỳnh N, sinh ngày 08/6/2009, Bùi Trần Như Y, sinh ngày: 09/5/2012, Bùi Hoàng P, sinh ngày: 04/10/2016 cho chị Trần Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Văn L phải cấp dưỡng mỗi cháu là 1.300.000đ/tháng kể từ ngày ban hành quyết định 03/5/2019 cho đến khi cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Anh Bùi Văn L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

-Về nợ chung: Anh chị cam kết không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Trần Thị Ngọc L phải chịu lệ phí là 300.000 đồng, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0006634 ngày 25/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị L đã nộp xong lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương